

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ

MÃ SỐ: 9310106

(Ban hành kèm theo Quyết định 2102/QĐ-ĐHKT, ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Economics
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Economics
- Mã số ngành đào tạo: 9310106
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo chuẩn: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ
- Tên văn bằng:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor in International Economics
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo tiến sĩ theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo, có kiến thức chuyên sâu, có phương pháp tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế quốc tế hiện đại; Am hiểu các lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới hiện đại, các chính sách về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, các thể chế kinh tế quốc tế trong nền kinh tế toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung chi tiết
PO1	Hiểu biết chuyên sâu về các lĩnh vực của kinh tế quốc tế hiện đại như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu...
PO2	Có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, nghiên cứu độc lập và hình thành phương pháp tư duy sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế quốc tế
PO3	Đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới; có khả năng viết và thuyết trình một cách khoa học, chuyên nghiệp các nghiên cứu về kinh tế quốc tế.
PO4	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế hiện đại; các lý thuyết về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi giá trị... để giải quyết các vấn đề nghiên cứu đã đặt ra.
PO5	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, phân tích, tư vấn, phản biện, hoạch định và thực thi các chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển, theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- + Có bằng đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành Kinh tế quốc tế.
- + Có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành Kinh tế quốc tế hoặc ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành Kinh tế quốc tế.

* Trong trường hợp người dự tuyển có bằng đại học hoặc thạc sĩ phù hợp với ngành dự tuyển về chuyên môn nhưng không được quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo đại học, thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì điều kiện hợp lệ về văn bằng của người dự tuyển sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định và có báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

* Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về kinh nghiệm nghiên cứu

Trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

3.2.3. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

3.2.4. Yêu cầu về thâm niên công tác

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế quốc tế cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

3.2.5. Các yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh

vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.3. Danh mục chuyên ngành phù hợp/gắn với chuyên ngành Kinh tế quốc tế

3.3.1. Văn bằng cử nhân

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	7310106	Kinh tế quốc tế	

3.4.2. Văn bằng thạc sĩ

Danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	8310106	Kinh tế quốc tế	

Danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	8340401	Khoa học quản lý	
2	8340402	Chính sách công	
3	8340403	Quản lý công	
4	8340404	Quản trị nhân lực	
5	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
6	8340406	Quản trị văn phòng	
7	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
8	8310101	Kinh tế học	
9	8310102	Kinh tế chính trị	
10	8310104	Kinh tế đầu tư	
11	8310105	Kinh tế phát triển	
12	8340410	Quản lý kinh tế	
13	8310107	Thống kê kinh tế	
14	8310108	Toán kinh tế	

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
15	8340101	Quản trị kinh doanh	
16	8340121	Kinh doanh thương mại	
17	8340201	Tài chính - Ngân hàng	
18	8340204	Bảo hiểm	
19	8340301	Kế toán	
20	8310105.01	Chính sách công và phát triển	
21	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị các tổ chức tài chính	
22	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	
23	Chuyên ngành thí điểm	Công nghệ tài chính	

3.4. Danh mục học phần bổ sung kiến thức cho đối tượng có bằng thạc sĩ ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

STT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	3
2	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn	3
3	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển	2
Tổng số		8

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 7-15 nghiên cứu sinh/năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- PLO1: Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; Nghiên cứu, phát hiện, mở rộng và phát triển các lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

- PLO2: Có kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc chuyên ngành kinh tế quốc tế.

- PLO3: Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.

- PLO4: Thiết kế và triển khai nghiên cứu chuyên sâu về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, kinh doanh quốc tế.

2. Về kỹ năng

- PLO5: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

- PLO6: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.

- PLO7: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

- PLO8: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.

- PLO9: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế, cũng như phổ biến các kết quả nghiên cứu.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO10: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới.

- PLO11: Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

- PLO12: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

- PLO13: Trung thực trong nghiên cứu, có trách nhiệm với các kết quả và sản phẩm nghiên cứu.

- PLO14: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

4. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Lãnh đạo hoặc chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách

Có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để làm việc với tư cách là lãnh đạo các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh tế quốc tế ở trong nước

và ở nước ngoài, hoặc trở thành các chuyên gia có trình độ cao trong hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; tài chính quốc tế; đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như UN, ADB, IMF, WB, iNGOs...

Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao

Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế trong và ngoài nước; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

5. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	x	x			
PLO2	x	x			
PLO3		x	x		
PLO4		x	x		
PLO5			x		
PLO6			x		
PLO7					x
PLO8				x	x
PLO9				x	
PLO10					x
PLO11				x	
PLO12				x	x
PLO13			x	x	x
PLO14				x	x
PLO15			x		
PLO16			x		

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - + Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 2: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề 1: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề 2: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề 3: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng cử nhân, ngành phù hợp

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (trừ học phần tiếng Anh B2 và Đề án tốt nghiệp) và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: 30 tín chỉ
 - + *Khối kiến thức chung*: 4 tín chỉ
 - + *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: 26 tín chỉ
 - Bắt buộc: 23 tín chỉ
 - Tự chọn: 3/9 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - + Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 3: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

+ Chuyên đề 1: 2 tín chỉ

+ Chuyên đề 2: 2 tín chỉ

+ Chuyên đề 3: 2 tín chỉ

- Phần 4: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)

- Phần 5: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*)

- Phần 6: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 1: CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ							
Các học phần tiến sĩ			10				
I. Bắt buộc			8				
1	UEB 8001	Thiết kế nghiên cứu luận án	3	30	15	0	
2	INE 8102	Lý thuyết thương mại quốc tế <i>International trade theories</i>	3	30	15	0	
3	INE 8213	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi <i>International Business in the world of change</i>	2	20	10	0	
II. Tự chọn			2/6				
4	INE8112	Lý thuyết và chính sách tài chính tiền tệ quốc tế <i>Theories and Policies of International Finance and Monetary</i>	2	30	15	0	
5	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế <i>International Investment theories</i>	2	20	10	0	
6	INE 8015	Chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain</i>	2	20	10	0	
PHẦN 2: CÁC CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIÊU			8				

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
LUẬN TỔNG QUAN							
7	INE 8103	Chuyên đề 1 <i>Optional Topic 1</i>	2	0	0	30	
8	INE 8004	Chuyên đề 2 <i>Optional Topic 2</i>	2	0	0	30	
9	INE 8005	Chuyên đề 3 <i>Optional Topic 3</i>	2	0	0	30	
10	INE 8015	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định. - Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. - Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh. - Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức. - Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus); - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN; - Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN. 							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức. 							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			72				
11	INE 9101	Luận án tiến sĩ	72	0	0	1080	
11.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
11.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
11.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
11.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
11.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
11.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
Tổng cộng			90				

Lưu ý:

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do tiểu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn đề nghị.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			30				
I.	Khối kiến thức chung		4				
1	PHI5003	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
II.	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		26				
II.1	Các học phần bắt buộc		23				
2	INE6037	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Trade</i>	3	30	15	0	
3	BSA 6022	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	
4	INE 6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Investment: Policies and Practices</i>	3	30	15	0	
5	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>International Business: Challenges of the Global Competition</i>	3	30	15	0	
6	INE 6134	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng <i>Supply chain: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
7	INE 6135	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng <i>E-Commerce: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
8	INE 6011	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển <i>Transnational Corporation:</i>	2	20	10	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>Technology transfer and Development</i>					
9	INE 6038	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế: Lý thuyết và thực tiễn <i>Negotiating in International Business: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
II.2	Các học phần tự chọn		3/9				
10	INE6128	Toàn cầu hóa và hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>Globalization and International Economic integration of Vietnam</i>	3	30	15	0	
11	INE 6104	Kinh tế thế giới hiện đại <i>The Contemporary World Economy</i>	3	30	15	0	
12	INE 6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế <i>Finance and International Monetary</i>	3	30	15	0	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN TIÊN SĨ			10				
I. Bắt buộc			8				
13	INE 8001	Thiết kế nghiên cứu luận án	3	30	15	0	
14	INE 8102	Lý thuyết thương mại quốc tế <i>International trade theories</i>	3	30	15	0	
15	INE 8213	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi <i>International Business in the world of change</i>	2	20	10	0	
II. Tự chọn			2/6				
16	INE 8112	Lý thuyết và chính sách tài chính tiền tệ quốc tế <i>Theories and Policies of International Finance and Monetary</i>	2	30	15	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
17	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế <i>International Investment theories</i>	2	20	10	0	
18	INE 8015	Chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain</i>	2	20	10	0	
PHẦN 3. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			8				
19	INE 8103	Chuyên đề 1 <i>Optional Topic 1</i>	2	0	0	30	
20	INE 8004	Chuyên đề 2 <i>Optional Topic 2</i>	2	0	0	30	
21	INE 8005	Chuyên đề 3 <i>Optional Topic 3</i>	2	0	0	30	
22	INE 8015	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 4. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định. - Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. - Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh. - Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức. - Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus); - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số 							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN; - Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.							
PHẦN 5. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức.							
PHẦN 6. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			72				
23	INE 9101	Luận án tiến sĩ	72	0	0	1080	
23.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
23.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
23.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
23.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
23.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
23.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
Tổng cộng			120				

2.3. Ma trận đóng góp của các học phần trong chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra của chương trình

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
UEB8001	Thiết kế nghiên cứu luận án	2	2	2	2	3	3	3	3	3	4	4	3	3	4
INE8002	Lý thuyết thương mại quốc tế	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
INE8003	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
INE8011	Lý thuyết và chính sách tài chính tiền tệ quốc tế	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
INE8012	Lý thuyết đầu tư quốc tế	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
INE8013	Chuỗi cung ứng toàn cầu	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
INE8103	Chuyên đề 1	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4	3
INE8004	Chuyên đề 2	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4	3
INE8005	Chuyên đề 3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4	3
INE8015	Tiểu luận tổng quan	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4
INE9101	Luận án tiến sĩ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4

Ghi chú: Đối với học phần bổ sung cho NCS có bằng cử nhân, ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng.